

PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM MÔI TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

Lê Thị Ánh¹

Email: anhlt1@ptit.edu.vn. ORCID: 0009-0001-6620-3586

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1252

Tóm tắt: Việt Nam thuộc nhóm năm quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nhất từ biến đổi khí hậu, với thiệt hại thiên tai năm 2024 đạt 88.748 tỷ đồng (gấp 9,52 lần năm 2023) và năm 2025 lập kỷ lục mới với 104.733 tỷ đồng. Bảo hiểm môi trường theo nghĩa rộng, bao quát cả bảo hiểm rủi ro khí hậu, là công cụ tài chính then chốt để phân tán rủi ro. Sử dụng phương pháp định tính kết hợp dữ liệu thứ cấp và so sánh quốc tế, nghiên cứu phân tích khung pháp lý, thực trạng và rào cản giai đoạn 2018-2025. Kết quả cho thấy mặc dù Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã thiết lập hành lang pháp lý, triển khai trên thực tế còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm hiện chỉ đạt 2,3-2,8% GDP, thấp hơn đáng kể so với ASEAN (3,35%) và toàn cầu (6,3%). Trên cơ sở phân tích SWOT và đúc kết kinh nghiệm bốn quốc gia, nghiên cứu đề xuất ba nhóm khuyến nghị: phát triển ba dòng sản phẩm bảo hiểm gắn cam kết khí hậu (bảo hiểm tham số, bảo hiểm tín chỉ các-bon, bảo hiểm trách nhiệm ESG); hoàn thiện thể chế và phối hợp liên ngành; tăng cường năng lực kỹ thuật, tái bảo hiểm và đào tạo.

Từ khóa: bảo hiểm môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, tái bảo hiểm

I. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất đối với phát triển bền vững thế kỷ XXI. Theo IPCC (2023), nhiệt độ trung bình bề mặt toàn cầu giai đoạn 2011-2020 đã tăng 1,1°C so với 1850-1900 và có khả năng vượt 1,5°C trong thập niên 2030-2040. Việt Nam thuộc nhóm chịu ảnh hưởng nặng nhất, khi hai thập kỷ qua thiên tai làm hơn 13.000 người thiệt mạng

và gây tổn thất vượt 6,4 tỷ USD. Riêng năm 2024, bão Yagi và các hiện tượng cực đoan gây thiệt hại 88.748 tỷ đồng, gấp 9,52 lần năm 2023; năm 2025 con số này tiếp tục lập kỷ lục mới với 104.733 tỷ đồng (Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống Thiên tai, 2024; Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026).

Luật Bảo vệ môi trường 2020 (Điều 140) và Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã

¹ Học viện Công nghệ Bru chính Viễn thông, Hà Nội, Việt Nam

thiết lập hành lang pháp lý cho bảo hiểm trách nhiệm môi trường, song triển khai thực tế còn nhiều hạn chế (Nguyễn Minh Thư, 2023). Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm tại Việt Nam mới đạt 2,3-2,8% GDP, thấp hơn ASEAN (3,35%) và toàn cầu (6,3%) (Vietnam Report, 2024). Các nghiên cứu hiện hành chủ yếu tập trung vào bảo hiểm nông nghiệp hoặc tác động kinh tế của biến đổi khí hậu (Do và cộng sự, 2024), chưa có công trình hệ thống hoá mối quan hệ giữa bảo hiểm môi trường và quản trị rủi ro khí hậu dưới góc độ chính sách công. Trên cơ sở khoảng trống đó, bài báo hướng đến ba mục tiêu: (i) Hệ thống hoá cơ sở lý thuyết và làm rõ phạm vi bảo hiểm môi trường; (ii) Đánh giá thực trạng, rào cản và cơ hội của thị trường giai đoạn 2018-2025; (iii) Đề xuất hệ thống khuyến nghị về sản phẩm, thể chế và năng lực phù hợp với điều kiện Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm, phân loại và phạm vi nghiên cứu

Thuật ngữ bảo hiểm môi trường (BHMT) được sử dụng với hai cấp độ nội hàm. Theo nghĩa hẹp, BHMT là bảo hiểm trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do ô nhiễm môi trường. Theo nghĩa rộng, BHMT bao quát toàn bộ sản phẩm chuyển giao rủi ro tài chính phát sinh từ sự cố, ô nhiễm hoặc tổn thất môi trường, trong đó có bảo hiểm rủi ro khí hậu (BHRRKH). OECD (2003) phân BHMT thành ba nhóm: Bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm; Bảo hiểm tài sản trước rủi ro môi trường và thiên tai; Bảo hiểm tham số gắn chỉ số khí hậu.

BHRRKH là tập con của BHMT nghĩa rộng, gồm bảo hiểm thiên tai, chỉ

số thời tiết và tham số. BHMT nghĩa rộng được cấu thành từ bốn nhóm sản phẩm: Bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường; Bảo hiểm rủi ro khí hậu; Bảo hiểm tài sản liên quan đến môi trường; sản phẩm gắn với chuyển dịch năng lượng và tiêu chí ESG. Nghiên cứu lựa chọn cách tiếp cận nghĩa rộng vì ranh giới giữa rủi ro ô nhiễm và rủi ro khí hậu ngày càng mờ, đồng thời từ góc độ chính sách công, các công cụ chuyển giao rủi ro cần được tích hợp trong một khung thống nhất. Khi đề cập riêng Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường 2020, nghiên cứu dùng thuật ngữ “bảo hiểm môi trường trách nhiệm ô nhiễm” để bảo đảm chính xác pháp lý.

2.2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên ba nền tảng lý thuyết: (i) Quản lý rủi ro, trong đó bảo hiểm là cơ chế chuyển giao rủi ro then chốt bên cạnh các chiến lược tránh né, giảm thiểu và giữ lại; (ii) Ngoại ứng, theo đó BHMT thông qua định phí dựa trên rủi ro vừa nội hoá chi phí môi trường theo tiếp cận Pigouvian, vừa tạo cơ chế phân tán rủi ro theo tiếp cận Coasean; (iii) Phát triển bền vững với 17 mục tiêu SDG, trong đó nổi bật là Mục tiêu 13 về hành động vì khí hậu và Mục tiêu 11 về đô thị bền vững.

Trên bình diện quốc tế, Mills (2005) cho thấy tổn thất thảm hoạ giai đoạn 1960-1990 tăng tám lần trong khi tổn thất được bảo hiểm tăng đến mười bảy lần, từ đó lập luận bảo hiểm là một dạng năng lực thích ứng. Kousky (2019) kết luận bảo hiểm cải thiện đáng kể khả năng phục hồi sau thiên tai, dù tác động khuyến khích giảm thiểu rủi ro vẫn còn khiêm tốn. Barnett and Mahul (2007) chỉ ra bảo hiểm chỉ số tại các nước thu nhập thấp giúp khắc phục rủi

ro đạo đức và lựa chọn đối nghịch. Trong nước, Do và cộng sự (2024) phân tích tác động kinh tế của biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Tổng quan cho thấy chưa có công trình nào phân tích hệ thống mối quan hệ giữa BHMT và biến đổi khí hậu dưới góc độ chính sách công tại Việt Nam, đây là khoảng trống mà bài báo hướng đến.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận định tính kết hợp phân tích dữ liệu thứ cấp, phạm vi 2018-2025. Dữ liệu thu thập từ bốn nguồn: Văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo cơ quan quản lý và hiệp hội nghề nghiệp; Báo cáo tổ chức quốc tế (World Bank, IPCC, OECD); Công trình

đã công bố. Ba phương pháp triển khai gồm phân tích nội dung văn bản; phân tích so sánh mô hình BHMT của Việt Nam với bốn quốc gia điển hình; phân tích SWOT.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Tác động của biến đổi khí hậu và áp lực lên hệ thống tài chính

Việt Nam đối mặt tác động ngày càng nghiêm trọng. Nhiệt độ trung bình năm 2024 đạt 24,87°C, cao hơn trung bình 1991-2020 là 1,10°C - mức cao nhất chuỗi quan trắc lịch sử. Bão Yagi đổ bộ miền Bắc ngày 7/9/2024 được đánh giá là cơn bão mạnh nhất 30 năm trên Biển Đông và 70 năm trên đất liền.

Bảng 1. Thiệt hại kinh tế do thiên tai tại Việt Nam giai đoạn 2020-2025

Năm	Chết/mất tích	Bị thương	Thiệt hại (tỷ VND)	Sự kiện điển hình
2020	357	912	~39.962	Bão Molave, lũ miền Trung
2021	108	95	~5.200	Sạt lở Tây Nguyên
2022	175	n/a	~19.500	Bão Noru, lũ quét Yên Bái
2023	169	n/a	~9.324	Hạn hán, xâm nhập mặn ĐBSCL
2024	514	2.207	88.748	Siêu bão Yagi, sạt lở Làng Nù
2025	484	811	104.733	Bão chồng bão, lũ 20 sông, mưa kỷ lục Bạch Mã

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống Thiên tai (2024) và Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2026); n/a: không có số liệu công bố chính thức.

Thiệt hại năm 2024 tăng gấp 9,52 lần năm 2023, riêng bão Yagi gây thiệt hại tài sản 84.544 tỷ đồng theo Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống Thiên tai; tổng thiệt hại kinh tế từ Yagi ước hơn 88.700 tỷ đồng, tương đương 3,65 tỷ USD và bằng 0,62% GDP năm 2023, làm giảm 0,24% GDP năm 2024. Theo World Bank (2022), biến đổi khí hậu có thể gây thiệt hại 12-14,5% GDP/năm cho Việt Nam vào 2050 nếu không thích ứng. Đáng lưu ý, đến giữa tháng 11/2024, cứu trợ cộng đồng sau Yagi qua Ban Vận động Cứu trợ Trung

ương chỉ đạt khoảng 2.185 tỷ đồng, tương đương 2,6% tổng thiệt hại (Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, 2024). Thực trạng này phản ánh nền kinh tế thiếu đệm tài chính do thiếu hụt cơ chế chia sẻ rủi ro qua bảo hiểm.

4.2. Khung pháp lý và thực trạng thị trường

Khung pháp lý đã được từng bước hoàn thiện qua nhiều văn bản quan trọng. Luật Bảo vệ môi trường 72/2020/QH14 tại Điều 140 khuyến khích phát triển bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do

sự cố môi trường; Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 hoàn thiện khung chung cho hoạt động bảo hiểm; Nghị định 08/2022/NĐ-CP liệt kê tại Phụ lục II các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm cao thuộc diện bắt buộc BHMT; Nghị định 58/2018/NĐ-CP thiết lập khuôn khổ bảo hiểm nông

ng nghiệp có hỗ trợ phí; Nghị định 186/2025/NĐ-CP phân cấp mua bảo hiểm tài sản công đối với rủi ro bão, lũ. Đến năm 2025, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ có 32 doanh nghiệp, trong đó khoảng 10 đơn vị cung cấp sản phẩm liên quan đến BHMT (Bảng 2).

Bảng 2. Sản phẩm bảo hiểm tiêu biểu liên quan đến môi trường và khí hậu tại Việt Nam

Loại sản phẩm	Đặc điểm chính	Doanh nghiệp tiêu biểu	Mức độ phát triển
BH trách nhiệm ô nhiễm môi trường	Bắt buộc với cơ sở Phụ lục II NĐ 08/2022	Tokio Marine, Bảo Việt, PVI, Bảo Minh	Sơ khai; <100 hợp đồng tự nguyện toàn quốc
BH nông nghiệp truyền thống	Bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi, thủy sản	Bảo Việt, Bảo Minh, ABIC	~32 tỷ đồng phí (9T/2022); <0,1% phí phi nhân thọ
BH chỉ số/tham số thời tiết	Kích hoạt tự động khi chỉ số vượt ngưỡng	Igloo-PVI-SCOR; MSIG-Hillridge-JDE Peet's	>5.000 ha lúa (8 tỉnh ĐBSCL); thí điểm cà phê Tây Nguyên (2025)
BH tài sản trước thiên tai	Bồi thường nhà, công trình trước bão, lũ	Hầu hết DN phi nhân thọ	Phổ biến với DN; tỷ lệ hộ dân tham gia ước <5%
BH năng lượng tái tạo	BH dự án điện mặt trời, điện gió	PVI, Bảo Việt, PTI	Mới nổi; phụ thuộc tái BH quốc tế

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Phân khúc BHMT hiện chiếm tỷ trọng rất khiêm tốn. Bảo hiểm trách nhiệm môi trường sơ khai với chưa đến 100 hợp đồng tự nguyện toàn quốc (Nguyễn Minh Thư, 2023); bảo hiểm nông nghiệp đạt 32 tỷ đồng trong 9 tháng đầu 2022, dưới 0,1% phí phi nhân thọ (Bộ Tài chính, 2024). Sản phẩm tham số đang thí điểm bước đầu cho thấy tiềm năng: Igloo-PVI-SCOR khởi

động 2022 đã bao phủ hơn 5.000 ha lúa tại 8 tỉnh ĐBSCL, phí từ 8 USD/ha, mục tiêu 50.000 ha (Igloo Insure, 2022); MSIG-Hillridge-JDE Peet's triển khai bảo hiểm chỉ số hạn hán cho cà phê Tây Nguyên từ 2025 (MSIG Vietnam, 2025). Quy mô BHRK vẫn dưới 0,5% phí phi nhân thọ, thấp hơn tiềm năng 6,8 tỷ USD tài sản nông-thủy sản (Hillridge, 2024).

4.3. Phân tích SWOT

Bảng 3. Phân tích SWOT thị trường bảo hiểm môi trường Việt Nam

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
Khung pháp lý hoàn thiện một bước; BH phi nhân thọ tăng trưởng ổn định; cam kết Net Zero 2050; hệ thống dữ liệu khí tượng ổn định.	Thâm nhập BH thấp (2,3-2,8% GDP); BHMT sơ khai; nhận thức hạn chế; thiếu dữ liệu định phí; năng lực tái BH trong nước hạn chế.
Cơ hội (O)	Thách thức (T)
Nhu cầu tăng do thiên tai; AI, viễn thám giảm chi phí giám định; hỗ trợ quốc tế (WB, ADB, GCF); tài chính xanh, ESG; phân cấp NĐ 186/2025.	BĐKH khó dự báo, rủi ro vượt ngưỡng; rủi ro đạo đức; giá tái BH châu Á tăng 15-25% sau 2024; thu nhập nông dân thấp; chong chéo bộ ngành.

Nguồn: Phân tích của tác giả.

Phân tích trên cho thấy bốn quan hệ tương tác cốt lõi trong ma trận SWOT: (i) Hạn chế về dữ liệu (W) làm suy yếu khả năng tận dụng công nghệ định phí hiện đại (O), bởi các mô hình AI chỉ thực sự hiệu quả khi có nguồn dữ liệu đủ dài và chi tiết; (ii) Năng lực tái bảo hiểm trong nước hạn chế (W) làm gia tăng phụ thuộc vào tái bảo hiểm quốc tế trong khi giá khu vực châu Á đang tăng mạnh sau năm 2024 (T), từ đó đẩy phí trong nước lên cao; (iii) Nhận thức hạn chế của doanh nghiệp và hộ dân (W) cùng thu nhập nông dân thấp (T) làm suy giảm cầu thực tế, qua đó hạn chế hiệu quả các chính sách hỗ trợ phí (S); (iv) Chính sách hỗ trợ trong nước (S) và nguồn hỗ trợ quốc tế (O) chỉ chuyển hoá thành mức độ tham gia thực tế khi giải quyết được rào cản phối hợp liên ngành (T).

Các rào cản cốt lõi

Thị trường BHMT Việt Nam hiện đối mặt năm rào cản tương tác và tự củng cố lẫn nhau: (i) Thể chế phân tán giữa nhiều cơ quan có chức năng chồng lấn (Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ); (ii) Nhận thức hạn chế của doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng hộ dân, đi kèm tâm lý tự gánh chịu rủi ro; (iii) Mức phí BHMT từ 1% đến 3% giá trị tài sản là khoản chi không nhỏ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như hộ dân; (iv) Thiếu hụt dữ liệu lịch sử đủ dài để định phí, trong khi hệ thống dữ liệu khí tượng-thủy văn chưa được chuẩn hoá ở cấp xã và huyện; (v) Năng lực tái bảo hiểm trong nước khiêm tốn khiến mức phí phụ thuộc biến động của thị trường tái bảo hiểm toàn cầu.

4.4. Tái bảo hiểm và tài chính khí hậu quốc tế

Tái bảo hiểm đóng vai trò sống còn trong BHMT vì tổn thất thảm hoạ thường

vượt năng lực tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm gốc. Tổng công ty Tái bảo hiểm Quốc gia (VINARE) là đơn vị chủ chốt tại Việt Nam, được AM Best xếp hạng B++ và NSR aaa.VN, song năng lực này khiêm tốn so với Munich Re, Swiss Re, Hannover Re ở mức AA-/AA+. Các sản phẩm BHMT đổi mới tại Việt Nam đều có tái bảo hiểm quốc tế: Chương trình bảo hiểm chỉ số gạo Agribank-ABIC sử dụng năng lực Swiss Re song song với VINARE; Sản phẩm tham số của Igloo được SCOR hậu thuẫn. Sự phụ thuộc này khiến mức phí trong nước nhạy cảm với chu kỳ giá tái bảo hiểm toàn cầu, vốn đã tăng 15-25% sau cú sốc Yagi và các thảm hoạ khu vực 2024.

Ba cơ chế tài chính khí hậu quốc tế có tiềm năng bổ sung tái bảo hiểm thương mại: Trái phiếu thảm hoạ (CAT bonds) chuyên giao rủi ro sang thị trường vốn, đã được ASEAN sử dụng qua SEADRIF cho Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar; Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) cung cấp tài chính ưu đãi cho sản phẩm bảo hiểm thích ứng tại các nước đang phát triển; Quỹ Mất mát và Thiệt hại (Loss and Damage Fund) thông qua tại COP27 và vận hành từ 2024, Việt Nam thuộc nhóm V20 có quyền tiếp cận. Tích hợp các kênh này với thị trường BHMT trong nước là hướng đi quan trọng nhằm giảm phụ thuộc tái bảo hiểm thương mại và mở rộng dung lượng bảo hiểm thảm hoạ.

4.5. Kinh nghiệm quốc tế

Hoa Kỳ tiên phong mô hình đa tầng do Nhà nước dẫn dắt qua Chương trình Bảo hiểm Lũ lụt Quốc gia do FEMA quản lý từ thập niên 1980, kết hợp bảo hiểm bắt buộc và ưu đãi phí tại vùng nguy cơ cao, song song thị trường tư nhân về bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm. Bài học là vai trò khởi tạo

thị trường của Nhà nước, sau đó chuyển giao dần cho khu vực tư nhân mở rộng.

Nhật Bản đi theo hướng hợp tác công-tư trong xử lý thảm họa lớn qua Hệ thống Bảo hiểm Động đất Quốc gia, trong đó Chính phủ đảm nhận tái bảo hiểm cấp cuối; mô hình này đã chứng minh hiệu quả sau thảm họa Tohoku năm 2011. Bài học là cơ chế công-tư đóng vai trò then chốt với các rủi ro mà thị trường tư nhân không thể gánh chịu độc lập.

Trung Quốc thúc đẩy nhu cầu thông qua đòn bẩy kinh tế-pháp lý: từ năm 2007 thí điểm bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm tại 11 tỉnh, sau đó mở rộng toàn quốc từ năm 2018 với cơ chế bắt buộc có điều kiện gắn việc tham gia bảo hiểm với cấp phép, vay vốn và đấu thầu công. Bài học là đòn bẩy gián tiếp có thể thúc đẩy nhu cầu hiệu quả mà không cần áp đặt nghĩa vụ trực tiếp.

Indonesia, tương đồng Việt Nam, triển khai Bảo hiểm Lúa Quốc gia từ năm 2015 với hỗ trợ phí 80% từ ngân sách; Đến năm 2024 đã bảo hiểm 1,2 triệu ha lúa và 12 triệu nông dân. Bài học là mức hỗ trợ phí cao giai đoạn đầu là điều kiện cần thiết để đạt quy mô tới hạn. Tổng quan bốn mô hình cho thấy không có công thức duy nhất; thành công phụ thuộc khả năng kết hợp linh hoạt vai trò Nhà nước, năng động tư nhân và hỗ trợ tài chính công.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu rút ra ba kết luận chính:

(1) Việt Nam đang đối mặt áp lực gia tăng từ biến đổi khí hậu với thiệt hại năm 2024 đạt 88.748 tỷ đồng và năm 2025 lập kỷ lục 104.733 tỷ đồng, đặt ra yêu cầu cấp bách về cơ chế phân tán rủi ro; (2) Dù khung pháp lý đã hoàn thiện một bước, thị trường BHMT vẫn ở giai đoạn sơ khai với

tỷ lệ thâm nhập thấp hơn ASEAN và toàn cầu; (3) Kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần kết hợp hài hòa vai trò điều phối của Nhà nước với năng động của khu vực tư nhân, đồng thời tăng cường hỗ trợ ngân sách và tích hợp tái bảo hiểm quốc tế cùng nguồn tài chính khí hậu đa phương.

Trên cơ sở các kết luận trên, nghiên cứu đề xuất ba nhóm khuyến nghị.

Một là, cần ưu tiên phát triển ba dòng sản phẩm bảo hiểm gắn cam kết khí hậu và phát triển bền vững.

Bảo hiểm tham số (parametric insurance) vận hành theo ba thành phần: chỉ số khách quan (lượng mưa, nhiệt độ, sức gió, độ mặn) đo từ trạm khí tượng được xác thực; ngưỡng kích hoạt định nghĩa trong hợp đồng; và cơ chế chi trả tự động khi chỉ số vượt ngưỡng. Ưu điểm nổi bật là giảm đáng kể chi phí giám định và rút ngắn thời gian bồi thường từ 6-12 tháng theo cách truyền thống xuống còn 7-14 ngày. Hạn chế lớn nhất là rủi ro nền tảng khi tổn thất thực tế có thể không tương ứng chính xác với chỉ số kích hoạt. Tại Việt Nam, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 chưa quy định riêng về sản phẩm này, các chương trình hiện hành vận hành theo cơ chế phê duyệt từng sản phẩm của Bộ Tài chính. Thí điểm Igloo-PVI-SCOR (2022) và MSIG-Hillridge (2025) đã chứng minh tính khả thi kỹ thuật; do đó cần mở rộng từ thí điểm hiện hành sang sản phẩm nông nghiệp chủ lực với hỗ trợ phí ngân sách giai đoạn đầu.

Bảo hiểm tín chỉ các-bon bảo hiểm chủ dự án giảm phát thải trước bạ nhóm rủi ro: mất hiệu lực tín chỉ do sai sót đo lường-báo cáo-thẩm định (MRV); rủi ro chính sách (thay đổi quy định, thu hồi giấy phép); rủi ro vật lý (cháy rừng, dịch bệnh với dự án REDD+). Mức chi trả dựa

trên giá trị tín chỉ tại thị trường tham chiếu (EU ETS, thị trường tự nguyện) khi xảy ra sự kiện. Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định lộ trình thị trường các-bon thí điểm từ 2025 và chính thức từ 2028, tạo cơ sở nhu cầu cho sản phẩm này. Khả năng triển khai phụ thuộc ba điều kiện: hoàn thiện hệ thống MRV quốc gia; công nhận tiêu chuẩn quốc tế (Verra, Gold Standard); phát triển năng lực định giá tín chỉ.

Bảo hiểm trách nhiệm ESG phát triển từ bảo hiểm trách nhiệm Giám đốc và Lãnh đạo (D&O), bảo vệ doanh nghiệp trước các rủi ro kiện tụng liên quan đến quyết định ESG như tẩy xanh, sai sót báo cáo phát thải, vi phạm tiêu chuẩn lao động. Phạm vi chi trả bao quát chi phí tố tụng, bồi thường thiệt hại và khắc phục hình ảnh thương hiệu. Đối tượng tiềm năng là các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU thuộc diện CBAM từ năm 2026 và doanh nghiệp niêm yết phải tuân thủ quy định công bố thông tin phát triển bền vững. Rào cản chính là khung pháp lý về trách nhiệm ESG chưa đủ chi tiết, gây khó khăn cho định giá rủi ro.

Hai là, hoàn thiện thể chế và phối hợp liên ngành thông qua ban hành nghị định riêng về BHMT làm rõ phạm vi, đối tượng và cơ chế hỗ trợ phí; thiết lập ban điều phối liên ngành do Bộ Tài chính chủ trì để giải quyết tình trạng chông chéo chức năng giữa Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Khoa học và Công nghệ. Tham khảo kinh nghiệm Trung Quốc, có thể áp dụng cơ chế “bắt buộc có điều kiện” gắn việc tham gia BHMT với cấp phép môi trường, vay vốn và đấu thầu công như đòn bẩy thị trường gián tiếp.

Ba là, tăng cường năng lực kỹ thuật, tái bảo hiểm và đào tạo. Cần xây dựng nền

tảng dữ liệu khí hậu - bảo hiểm chuẩn hoá đến cấp xã làm cơ sở định phí; nâng vốn VINARE và tích hợp với các kênh tái bảo hiểm quốc tế cũng như cơ chế tài chính khí hậu đa phương (SEADRIF, GCF, Loss and Damage Fund) nhằm giảm phụ thuộc tái bảo hiểm thương mại. Về nguồn nhân lực, cần tích hợp nội dung quản trị rủi ro khí hậu vào chương trình đào tạo, đặc biệt tại cơ sở đào tạo từ xa và mở, tận dụng nền tảng học tập số để mở rộng đối tượng tiếp cận (Đỗ Anh Kiên and Nguyễn Quốc Duy, 2025).

Nghiên cứu chủ yếu dựa trên phân tích định tính và dữ liệu thứ cấp, chưa khai thác khảo sát thực địa và chưa lượng hoá đầy đủ lộ trình triển khai theo các giai đoạn. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào mô hình hoá định lượng tác động BHMT đến chống chịu kinh tế cấp tỉnh, khảo sát mức sẵn sàng chi trả của doanh nghiệp và hộ dân, đánh giá khả thi cơ chế chia sẻ rủi ro thảm họa quốc gia và xây dựng lộ trình ngân sách hỗ trợ phí chi tiết. Xây dựng hệ sinh thái BHMT toàn diện là khoản đầu tư chiến lược cho khả năng chống chịu dài hạn của nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

- Barnett, B. J., & Mahul, O. (2007). Weather index insurance for agriculture and rural areas in lower-income countries. *American Journal of Agricultural Economics*, 89(5), 1241-1247. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8276.2007.01091.x>
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (2026). Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Hà Nội.
- Bộ Tài chính. (2024). Báo cáo tổng quan thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2024. Hà Nội.

- Chính phủ. (2022). Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hà Nội.
- Cục Quản lý Đề điều và Phòng chống Thiên tai. (2024). Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai năm 2024. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hà Nội. <http://phongchongthientai.mard.gov.vn>
- Do, H. H., Vu, Q. N., Samadhiya, A., Kumar, A., Gupta, S., & Jagtap, S. (2024). Unravelling the economic impact of climate change in Vietnam's Mekong River Delta and Southeast region. *Discover Sustainability*, 5, Article 185. <https://doi.org/10.1007/s43621-024-00396-y>
- Đỗ Anh Kiên, & Nguyễn Quốc Duy. (2025). Kiến tạo xã hội học tập số thúc đẩy học tập suốt đời và phát triển bền vững. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 46. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.762>
- Hillridge. (2024). Market report of weather-proofing agriculture in the Mekong Delta. AusCham Vietnam. <https://auschamvn.org/news/market-report-weather-proofing-agriculture-mekong-delta>
- Igloo Insure. (2022). *Igloo launches the first blockchain-based weather index insurance for rice farmers in Vietnam*. <https://iglooinsure.com/press/igloo-launches-weather-index-insurance-for-rice-farmers/>
- IPCC. (2023). *Climate Change 2023: Synthesis Report*. IPCC. <https://doi.org/10.59327/IPCC/AR6-9789291691647>
- Kousky, C. (2019). The role of natural disaster insurance in recovery and risk reduction. *Annual Review of Resource Economics*, 11, 399-418. <https://doi.org/10.1146/annurev-resource-100518-094028>
- Mills, E. (2005). Insurance in a climate of change. *Science*, 309(5737), 1040-1044. <https://doi.org/10.1126/science.1112121>
- MSIG Vietnam. (2025). *Weather-proofing agriculture through MSIG Vietnam's parametric insurance in partnership with Hillridge*. <https://www.msig.com.vn/en/whats-new/weather-proofing-agriculture>
- Nguyễn Minh Thư. (2023). Bất cập của pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm môi trường tại Việt Nam. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*. <https://tcdepl.moj.gov.vn>
- OECD. (2003). *Environmental risks and insurance*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264105522-en>
- Quốc hội. (2020). Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Hà Nội.
- Quốc hội. (2022). Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15. Hà Nội.
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. (2024). Thông tin tiếp nhận và phân bổ kinh phí ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão số 3 (Yagi). Ban Vận động Cứu trợ Trung ương, Hà Nội.
- Vietnam Report. (2024). Báo cáo khảo sát ngành bảo hiểm Việt Nam - Uy tín và Triển vọng 2024. Hà Nội.
- World Bank. (2022). *Vietnam Country Climate and Development Report*. World Bank Group. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/37618>

DEVELOPING ENVIRONMENTAL INSURANCE IN THE CONTEXT OF CLIMATE CHANGE TOWARDS SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Le Thi Anh¹

Abstract: Vietnam ranks among the top five countries most severely affected by climate change, with natural disaster losses reaching VND 88,748 billion in 2024 (9.52 times higher than 2023) and a new record of VND 104,733 billion in 2025. Environmental insurance, broadly understood to include climate risk insurance, is a critical financial instrument for risk diversification. Using a qualitative approach that combines secondary data and international comparisons, this study examines the legal framework, current status, and barriers from 2018 to 2025. Findings show that, despite the 2020 Environmental Protection Law and Decree 08/2022/ND-CP establishing the regulatory foundation, implementation remains limited; insurance penetration is only 2.3-2.8% of GDP, lower than the ASEAN average (3.35%) and the global average (6.3%). Based on SWOT analysis and experiences from four countries, the study proposes three groups of recommendations: developing three product lines linked to climate commitments (parametric insurance, carbon credit insurance, ESG liability insurance); improving institutions and inter-agency coordination; and strengthening technical capacity, reinsurance, and training.

Keywords: climate change, environmental insurance, reinsurance, sustainable development

¹ Posts and Telecommunications Institute of Technology, Hanoi, Vietnam